

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Thành

Ông Lê Văn Chấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Ngọc Thư Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Phương T, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh B Luu, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Quốc tịch: Úc.

Địa chỉ: Úc.

Người đại diện theo ủy quyền nhận thay văn bản tố tụng là anh Triệu Bằng P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25/8/2023, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương T trình bày:*

Chị và anh B Luu tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 2017 đến năm 2019 mối quan hệ của anh chị rất tốt, anh chị gặp nhau khá

thường xuyên vì anh B được tự do du lịch Việt Nam và dành thời gian cho chị, nhưng khi đại dịch đến đã làm thay đổi mọi thứ và mối quan hệ của anh chị bắt đầu xấu đi vì không thể gặp nhau được nữa. Kết quả anh chị trở nên xa cách và không liên lạc được với nhau, anh chị sẽ không đồng ý về nơi mà anh chị sống cùng nhau ở tương lai, vì vậy anh chị quyết định điều tốt nhất cho cả hai là ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh B Lưu trình bày:*

Anh và chị T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19/5/2017. Từ năm 2017 đến năm 2019 mối quan hệ của anh chị rất tốt, anh chị có thể gặp nhau khá thường xuyên vì anh được tự do du lịch Việt Nam và dành thời gian cho chị T, nhưng khi đại dịch đến đã làm thay đổi mọi thứ và mối quan hệ của anh chị bắt đầu xấu đi vì không thể gặp nhau được nữa. Kết quả anh chị trở nên xa cách và không liên lạc được với nhau, anh chị sẽ không đồng ý về nơi mà anh chị sống cùng nhau ở tương lai, vì vậy anh chị quyết định điều tốt nhất cho cả hai là ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Phương T, về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị T trình bày không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn chị Phạm Thị Phương T có quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Bị đơn B Lưu, quốc tịch Úc, hiện đang cư trú tại Úc nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh B có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh B xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 19/5/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị T và anh B đều có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai anh, chị đều thống nhất cho rằng sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do đại dịch đã làm mối quan hệ của anh chị xấu đi. Anh chị không thể gặp nhau thường xuyên nên mối quan hệ dần trở nên xa cách. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh chị mong muốn được ly hôn.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”*. Giữa chị T và anh B có thời gian 03 năm chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị không thể thường xuyên gặp nhau nên dần trở nên xa cách, cả hai đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Điều này cho thấy, mục đích hôn nhân của chị T và anh B đã không đạt được. Cả hai anh chị đều mong muốn được ly hôn chứng tỏ anh chị đã không còn khả năng hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương T và anh B Lưu.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Phương T.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Phương T và anh B Lưu.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B tự giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00008954 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Phương T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với anh B Lưu thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thơ**